

Tôi Bán Vải ở Chợ An Đông

Phạm Nguyên Hanh

Bài tự sự này ghi lại một giai đoạn tôi bị kẹt lại Sài Gòn sau tháng 4 năm 1975. Nhân dịp này, tôi xin được kể lại vài kỷ niệm với một số bạn cũng bị kẹt lại như tôi, và nhắc đến một nhân vật được nhiều người biết đến. Nhiều người trong số này hiện còn sống. Để tôn trọng sự riêng tư của mỗi cá nhân, tôi xin phép được viết tắt tên tất cả những người được nêu ra.

Sau đợt học tập cải tạo, tôi tìm cách vượt biên. Cho đến đầu năm 1981, tôi đã thất bại 5 lần. Một lần, một mình tôi bị bắt và cầm tù. Bị “cầm tù” với tôi không phải là bị giam trong một nhà tù được xây cất kiên cố với cửa ra vào và cửa sổ có song sắt to, mà là bị nhốt trong một connex bằng sắt để giữa sân, ban ngày nóng như lửa đốt, còn ban đêm thì lạnh, và lúc nào cũng hôi hám vì tiêu tiêu tại chỗ, thiếu không khí, ngột ngạt, chật chội, vì ngoài tôi còn thêm 2 người tù nữa. Một lần khác, cả gia đình tôi bị bắt giam, nhưng vợ tôi cùng 2 con nhỏ được thả sau 1 tháng, còn tôi thì bị tù 1 năm. Không phải án tù vượt biên là 1 năm. Tội vượt biên không được xét xử, nghi can chỉ bị tạm giam, và thời gian tạm giam này không được thông báo. Nhờ vợ tôi ở bên ngoài móc nối và chạy tiền, tôi được thả. Tính thời gian thì đã ở tù đúng 1 năm. Không thể về lại sở cũ, tôi và vợ tôi quay qua nghề buôn bán chui ở chợ An Đông. Gọi là buôn bán chui hoặc buôn bán lậu vì không có giấy phép buôn bán lẻ của thành phố.

Chúng tôi bán vải, vải đã được cắt sẵn đủ để may một áo sơ-mi hoặc một quần dài, từng khúc vải được xếp lại thành xấp, cỡ 18cm x 22cm. Các xấp vải không được bày ra để cho người mua có cơ hội chọn lựa mà được để trong một cái túi lớn bằng vải thô, có dây sách vai. Khách đến thường hỏi một loại vải may quần tây hay áo sơ-mi và cho biết màu vải họ ưa thích. Chúng tôi đưa giá ra rồi hai bên khách mua và người bán mặc cả một vài lần. Sau khi đã đồng ý về giá cả, chúng tôi mới lấy một hay hai xấp vải tương tự trong túi lớn ra cho khách chọn, đồng

thời cảnh giác ngó trước ngó sau vì công an xuất hiện bất cứ lúc nào. Khách hàng chọn một xấp và trả lại cho chúng tôi xấp vải kia, rồi trả tiền. Nhận tiền xong, chúng tôi bỏ xấp vải được chọn vào một bao ny-lông nhỏ màu hồng hay nâu (loại ny-lông đã được tái sinh nhiều lần) và trao cho khách. Bán được một khúc vải như vậy không dễ. Nếu đứng từ sáng đến chiều mà bán được 2 hay 3 xấp là chúng tôi đã mừng rồi. Có ngày nhận được tin công an kinh tế bố ráp (công an kinh tế chuyên bắt dân buôn lậu và hàng lậu, để phân biệt với công an giao thông có trách nhiệm giữ trật tự lưu thông), chúng tôi không dám đến gần chợ, mà phải đứng thật xa. Hai tay cầm chặt túi vải lớn, chúng tôi vừa nhìn thấy bóng dáng một tên công an từ xa thì vội xách túi vải chạy trốn. Có khi cả giờ không dám quay về chợ. Nếu bị bố ráp vào lúc xế chiều, chúng tôi xách túi về nhà luôn, coi như buổi chợ đó được rút ngắn. Nghĩ lại thật tội nghiệp cho vợ tôi, cơ thể đã yếu, còn mang thêm bệnh trong thời gian bị tù, nay phải buôn bán chui, lúc nào cũng lo chạy. Đã chạy chậm, tinh thần vợ tôi lại dễ hoảng hốt, nên sau khi chạy đến một chỗ khá an toàn, thì phải ngồi yên lặng nghỉ hàng giờ mới tỉnh lại.



Vài tháng sau đó, chúng tôi được giới thiệu thuê lại một sạp vải trong chợ An Đông, hàng tháng đóng thuế cho sở thuế quận 5. Các sạp vải bằng gỗ được xếp liền nhau thành 4 dãy ở khu giữa chợ, bên

canh dãy bán đồ ăn và dãy bán trái cây. Bốn dãy sạp song song với nhau, dãy này cách dãy kia chừng 1,6 mét, đủ rộng để khách hàng có thể đi lại hai chiều, xem hàng của hai dãy đối diện. Sạp hình vuông, cạnh 1,4 mét, được đóng bằng gỗ thô sơ, đặt trên 4 chân cao 0,6 mét. Hai sạp kế cách nhau chừng 0,4 mét. Đó là khoảng trống dùng làm lối đi dành cho chủ sạp, còn khi hàng hóa đã bày sẵn thì chủ ngồi trên sạp, ngay phía sau các chồng vải. Các sạp được che mưa nắng bằng một mái tôn cũ kỹ, khi mưa thì nước rỏ xuống nhiều nơi. Nếu đoán trước trời sắp mưa, chúng tôi lấy nhiều tấm ny-lông dày và trong che lên các xấp vải. Hoặc khi có cơn mưa lớn nặng hạt, biết không có khách đến mua, chúng tôi cất tất cả các xấp vải vào túi lớn, rồi đi về. Khi trời nóng bức, chúng tôi dùng quạt tay quạt liên hồi, như vậy cũng bớt được cơn ngứa gật, nhất là vào xế trưa. Tôi cũng xin phép được mở một dấu ngoặc để nói thêm rằng chợ An Đông thời 1981 chưa được xây lại, chưa có nhiều tầng lầu như hiện nay. Chợ lúc đó chỉ có mặt tiền đường An Dương Vương là được xây cất khang trang, còn lại là một khoảng đất trống, không mái vòm che, có nhiều chỗ ẩm ướt, và cũng nhiều rác rưởi.



Hàng ngày, chúng tôi mang túi vải và vài vật dụng ra chợ lúc 7:30 sáng, cùng giờ với công nhân viên nhà nước. Nhưng thời khóa biểu của dân buôn bán không thoải mái như công nhân viên nhà nước. Chúng tôi không có nghỉ trưa, vì phải coi hàng và mời khách liên tục cho đến 6 giờ chiều. Buôn bán không có ngày nghỉ. Đặc biệt trong hai ngày cuối tuần, công nhân viên được rảnh rỗi, nghỉ ngơi và còn nghĩ đến chuyện đi chơi, thì chúng tôi lại bận

rộn nhất. Đó là hai ngày đông khách nhất và cũng bán được nhiều hàng nhất.

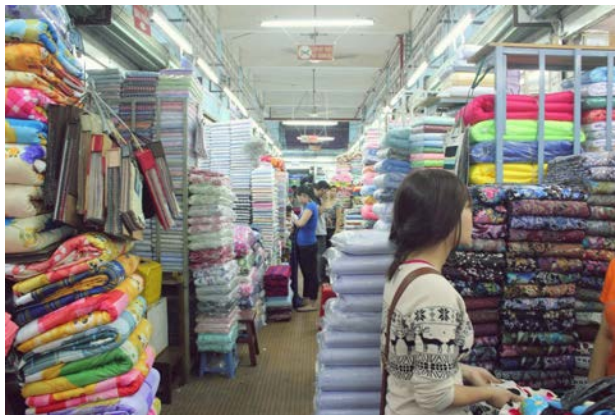
Đến chợ, việc đầu tiên là quét dọn và lau chùi sạp cho sạch rác rưởi, bụi bặm còn từ tối hôm trước. Rồi lấy một tấm khăn ny-lông dày trải trên sạp gỗ, lấy khăn khô lau cho thật sạch. Xong rồi, lấy từng xấp vải từ trong túi ra, bày theo thứ tự ngay ngắn, song song với chiều dài của dãy. Chúng tôi bày các xấp vải giá rẻ ở ngoài cùng, các xấp vải đắt tiền nhất thì để phía trong, gần chỗ ngồi. Làm như vậy để giảm bớt thất thoát, nếu kẻ gian đến lấy cắp, thì chúng chỉ lấy được những xấp ở hàng ngoài, ít giá trị hơn. Thực ra, trong thời gian bán hàng, chúng tôi nhớ không có lần nào bị mất cắp cả. Hay là kẻ trộm biết thương người nghèo? Hay là có bị mất cắp mà không biết? Thật khó trả lời. Còn khách hàng thì cũng ít có hạng người quá khó khăn, đòi hỏi, phần lớn là cán bộ từ Bắc vào, thích mua sắm vài bộ đồ mới, hoặc mua về Bắc một hai xấp vải làm quà cho gia đình sau chuyến công tác vào Nam.

Công việc của tôi, ngoài việc canh chừng để hàng không bị mất cắp, là giữ sạp và coi hàng để vợ tôi chạy đi thu hàng mỗi khi có mối gọi. Thường mối gọi vào buổi sáng, khoảng 9 giờ hoặc 10 giờ sáng. Gọi là “thâu hàng” cho có vẻ chuyên nghiệp kinh doanh, chứ thực ra chỉ mua thêm vài mặt hàng mới, hoặc bổ sung vài loại hàng mới bán hết. Mỗi sạp cần phải có đủ mặt hàng, vì nếu khách đến hỏi một loại vải mà không thấy bán ở sạp của mình, thì lần sau họ sẽ không đến nữa. Hàng bán chạy nhất là vải may quần cho nam giới. Khách thường chọn loại vải có pha thêm một chút polyester, quần mặc không bị nhàu nát mà lại bền hơn. Còn màu sắc thì thường là màu đậm, từ đen đậm đến lợt, nâu đậm hoặc xanh đậm là những màu bán chạy nhất. Vì vậy, giá tiền các loại hàng này thường cao hơn các loại màu lợt từ 10% đến 15%.

Khi coi sạp một mình và lúc không có khách, tôi thường nhâm lại trong đầu giá cả mỗi loại hàng, vì giá cả thường thay đổi hàng ngày. Tuy giá các xấp vải may quần thường thay đổi từ 11 đồng đến 25 đồng mỗi xấp, nhưng phải nhớ trong đầu tất cả các giá đó, tôi thấy quá khó. Có một lần, một toán gồm 4 anh cán bộ miền Bắc đến sạp tôi hỏi giá vài xấp vải may quần, tôi lúng túng đưa giá lẫn lộn.

Một anh trong toán nhìn tôi, rồi nói trước khi bỏ đi: “Anh này chắc chỉ ngồi giữ hàng cho vợ thôi, giá cả không biết gì đâu!” Tôi thấy đúng quá và nhớ câu đó mãi đến nay.

Một nguồn cung cấp vải khá quan trọng là những người có thân nhân ở ngoại quốc gửi quà về. Họ thường nhận được một hay hai thùng quà mỗi tháng. Không có hàng thường xuyên, nhưng cứ 3 hay 4 tuần, họ mang theo một gói khá lớn trong đó có vải, thuốc tây, xà bông thơm, kem đánh răng... Vải chủ sạp loại làm ăn lớn, có nhiều vốn, thường bắt mối và mua bao tất cả các thứ quà đó. Nhưng cũng có người nhận quà xong rồi thì tìm mối bán riêng mỗi thứ. Họ chỉ mang vải đến chợ An Đông bán, còn thuốc tây, xà bông thơm, kem đánh răng thì đem bán chỗ khác. Một hôm, ngồi trên sạp chờ khách đến, vợ tôi thấy từ xa một người đang đi đến và nhận ngay ra anh TT, một kỹ sư khá nổi tiếng, lớn hơn tôi nhiều tuổi.



Anh TT trước tháng 4 năm 1975 làm việc ở Sài Gòn, nổi tiếng quen biết rộng và rất giàu có. Như nữ bác sĩ DQH, xuất thân từ một gia đình rất giàu, đi du học ở Pháp và thân cộng ngay từ thời còn là sinh viên, anh TT cũng hoạt động chính trị và có khuynh hướng thiên tả. Vào cuối tháng 4 năm 1975, anh đã đưa vợ con đi ra ngoại quốc trước. Không hiểu vì lý do gì, anh ta không đi cùng, mà ở lại. Có thể anh tự tin rằng đi một mình thì dễ dàng, vì anh ta quen biết nhiều, tìm được phương tiện rời khỏi nước bất cứ lúc nào cũng không khó. Ai ngờ Sài Gòn sụp đổ mau chóng. Bao nhiêu tính toán đều sai cả và anh ta bị kẹt lại. Rất nhiều người có chủ tâm đi vào phút chót như anh TT cũng bị kẹt lại. Một người lớn tuổi khác mà gia đình chúng tôi quen biết

từ thời còn ở Hà Nội, ông TCT, hoạt động chính trị từ thập niên 40, cũng đưa được vợ con đi Pháp vào cuối tháng 4 năm 1975, riêng ông ta chọn ở lại. Đến phút chót, trực thăng đến đón bị hủy bỏ và ông ta bị kẹt lại. Biết không thể sống cùng với những người chiến thắng, ông ta uống thuốc độc tự tử. Nhưng anh TT thì khác, anh ta đã hoạt động nhiều năm với các nhân vật thuộc “thành phần thứ ba”, nên nghĩ rằng sẽ được trọng dụng trong chế độ mới, hoặc ít ra cũng được để cho yên ổn. Một anh bạn khác, anh PMD, lúc đi du học Mỹ đã lấy vợ Mỹ, anh ta về nước một mình, làm việc tại Sài Gòn rồi bị kẹt lại. Được may mắn là chỉ phải đi học tập tại cơ quan trong 1 tuần, nên trong vòng 2 năm, anh ta đã thành công thoát ra khỏi nước và về lại Mỹ với vợ. Một anh bạn khác nữa, anh PXH, du học Pháp từ đầu thập niên 60 và ở lại Pháp, làm việc khá thành công. Trong suốt gần 15 năm, anh ta không trở về nước để thăm lại cha mẹ, vì sợ bị gọi động viên. Có lần tôi ghé thăm hai cụ thân sinh ra anh, bà cụ nói: “Em nó muốn về làm việc giúp nước, nhưng nó thấy gương của anh mà sợ, nó bảo đâm đầu về như anh Hanh, bị động viên không biết bao giờ được ra.” Quả thực, từ Pháp về chưa được 2 năm tôi bị gọi động viên, anh PXH và vài anh bạn khác của tôi ở Pháp thấy vậy bèn bỏ hẳn ý định trở về nước, nhiều người còn đổi quốc tịch để được làm việc dễ dàng tại Pháp. Thực ra, có rất nhiều người tốt nghiệp và về nước làm việc, được hoãn dịch cho đến hết tuổi động viên nhưng đa số quyết định ở lại Pháp cho yên tâm. Không hiểu được móc nối thế nào, cuối tháng 4 năm 1975, anh PXH để vợ con ở lại Pháp, một mình về Saigon, với hứa hẹn được tham gia nội các 3 thành phần sắp thành lập nhưng nội các này không bao giờ thành hình cả. Không những bị bà con chê bai, vì lúc đó ai ai cũng muốn thoát ra khỏi nước trong khi anh ta lại đâm đầu về, anh ta còn bị chế độ mới nghi ngờ, và làm khó dễ. Các nhân vật trước đây móc nối anh PXH cũng bị theo dõi, cô lập, nên không ai giúp anh ta được gì cả. Bị kẹt lại Sài Gòn khoảng gần một năm, cuối cùng anh PXH được tòa đại sứ Pháp can thiệp và về lại Pháp. Tuy những chuyện này liên hệ với các người tôi quen, tôi chỉ được nghe kể lại, vì tháng 6 năm 1975, tôi phải đi học tập cải tạo, nên không còn gặp các người đó. Sau này, khi định cư tại Mỹ, tôi gặp lại

vải anh bạn nêu trên và được chính các anh đó xác nhận.

Anh TT được may mắn không phải đi học tập dài hạn. Nổi tiếng khôn ngoan và quen biết nhiều, đáng lẽ anh ta phải có nhiều cơ hội tìm cách trốn khỏi nước. Về tài chánh, chắc chắn anh ta không thiếu. Anh ta có thể theo nhiều chuyến vượt biên bán chính thức trong những năm 1978 và 1979 nhưng anh ta vẫn không đi, lúc mà dân trong nước nói với nhau rằng: “Nếu cột đèn mà có chân, thì nó cũng đi rồi.” Anh ta còn nấn ná ở lại Sài Gòn cho đến năm 1981, tôi không hiểu vì lý do gì. Anh được gia đình tiếp tế đều đặn nên tháng nào cũng mang vải đến chợ An Đông bán.

Thấy anh ta từ xa đi đến, tay cầm một gói khá lớn, vợ tôi nói khích tôi: “Này, anh quen biết ông T, anh chạy ra hỏi mua vải chắc ông ta sẽ bán rẻ, thì mình sẽ có lời to.” Tôi thì ngược lại, chỉ muốn tránh mặt người quen, cả anh T cũng như các bạn khác. Tôi cố tình lẫn trốn qua một dãy hàng khác. Còn anh T thì dừng lại một sạp vải gần chỗ chúng tôi, và bán tất cả cho chủ sạp đó. Có thể anh T quen biết chủ sạp, và qua nhiều lần trao đổi, anh ta và chủ sạp đều tin tưởng lẫn nhau, nên anh ta thường đưa hàng đến đều đặn mà không có vấn đề gì về giá cả, tiền bạc. Được mua trực tiếp từ những người như anh T, chủ sạp có lời nhiều, còn chúng tôi phải mua hàng qua một hay hai người trung gian, nên đành chấp nhận lời ít, hoặc rất ít.

Một hôm, vừa về đến nhà sau một ngày bán hàng ở chợ An Đông thì anh NBL, một anh bạn thân, đến thăm, và cho biết anh mới tìm được một đường dây vượt biên bảo đảm. Lúc tôi mới quen, anh NBL là một sinh viên luật khoa xuất sắc, mới đậu cao học kinh tế, và là học trò cưng của hai giáo sư NCH và NKC. Khi soạn luận án tiến sĩ, anh nhờ tôi xem lại giùm phần toán học ứng dụng vào mô hình kinh tế, vì biết tôi có học một khóa kinh tế vĩ mô ở Syracuse University, New York. Thấy anh ta ở lại Sài Gòn sau tháng 4 -1975, tôi ngạc nhiên vì anh L độc thân và quen biết nhiều, dễ dàng tìm được phương tiện đi ra nước ngoài. Xong đợt học tập cải tạo, tôi gặp lại anh L và được biết anh ta đang hoạt động trong Hội Trí Thức Yêu Nước ở Sài Gòn. Tuy nhiên, trong một lần nói chuyện riêng,

anh L cho tôi biết anh đang tìm một đường dây thật chắc chắn và tin cậy. Chắc lần này anh ta đã có đường dây đúng như ý muốn rồi. Anh L hỏi tôi còn giữ ý định vượt biên hay không. Sau 5 lần thất bại, tài chánh hao hụt, chuyện vượt biên nay đối với tôi đã gần như xa quá tầm tay, vả lại, hàng ngày việc mua bán vải làm cho tôi bận tâm nhiều. Thấy tôi không sốt sắng về việc vượt biên, anh L hứa rằng nếu đi thoát, anh ta sẽ gửi gắm tôi cho chủ tàu khi tổ chức chuyến sau. Quả thật anh L đi thoát, nhưng chuyến sau có tôi đi thì bị đổ vỡ, tất cả bị bắt và cầm tù, ngoài ra còn thêm 4 mạng bị bắn chết. Và tôi lại vào tù thêm một lần nữa, nhưng đó là chuyện về sau. Anh L cũng tâm sự với tôi lúc chia tay rằng anh đang cộng tác với ông NXO, một kinh tế gia được đào tạo từ trường Harvard bên Mỹ. Trước 1975, ông NXO có thời làm thống đốc ngân hàng, phó thủ tướng và quyền thủ tướng. Hiện nay, ông ta đang giúp thành ủy trong một dự án cải tổ kinh tế cho Sài Gòn. Anh L cho tôi biết rằng anh có nói về tôi với ông NXO, và yêu cầu tôi nhận lời giúp ông NXO thay thế anh ta nếu đi thoát.

Vào đầu năm 1982, khoảng hơn một tháng sau khi anh NBL vượt biên thành công, một người cao lớn, trán cao, đầu hói, đi xe gắn máy đến gõ cửa nhà tôi và yêu cầu được gặp tôi. Tôi ra mở cửa, người khách tự giới thiệu là NXO, và xin lỗi đã đường đột đến mà không báo trước. Tôi mời ông O vào nhà, pha nước trà mời ông ta. Ba má tôi lúc đó đang ngồi ở phòng khách cũng đứng dậy chào rồi lui vào phía sau (Ba má tôi sau đó khen với tôi rằng ông O là người rất lịch sự). Ông O cho biết đã được anh NBL nói về tôi, và ông ta ngờ ý muốn tôi giúp ông ta trong một việc nghiên cứu. Tôi trình bày tình cảnh của tôi, bận lo buôn bán để nuôi gia đình, ngại rằng tâm trí không được thanh thoi cho công việc nghiên cứu. Tôi ra thông cảm, ông ta chỉ yêu cầu tôi góp ý cho vài nghiên cứu mà thôi. Trước khi ra về, ông ta mời tôi đến dùng cơm tối tại tư gia một tuần sau đó. Tôi nhận lời. Đến ngày hẹn, trên đường đi, tôi định ninh sẽ được gặp bà NXO, mà ai cũng biết là nữ tài tử điện ảnh xinh đẹp TTH, thường được gọi là Người Đẹp Bình Dương, tên một phim mà cô ta là nữ tài tử chính. Nhưng khi tôi vừa đến, ông O xin lỗi về sự vắng mặt của vợ, tối hôm đó phải đi dự một buổi họp của các nghệ sĩ thành phố. Bữa cơm

chỉ có 3 người. Tôi ngồi đối diện với ông O và cậu con trai, lúc đó mới có 6 tuổi. Bữa cơm khá thịnh soạn đối với thời bao cấp, nhà ông O có người giúp việc dọn các thức ăn lên và đứng hầu ngay bên cạnh, có thể cũng để chăm sóc cậu con trai. Cậu bé mặt mũi khôi ngô, ăn mặc tươm tất, ngồi cạnh cha, được cha chăm sóc từng miếng ăn, nước uống. Tôi nhận thấy ông O ở tuổi trên 60 rất sung sướng có được một cậu con trai kháu khỉnh, dễ thương. Tuy có con muộn, nhưng ông O còn may mắn hơn một anh bạn khác của tôi, có con trai lúc đã 65 tuổi. Anh này rất giàu có và cũng rất cưng con, tự mình lo cho con đủ mọi chuyện, từ việc đi chợ và nấu ăn cho con, đưa con đi học, cho học thêm nhạc, võ thuật, đều đặn như vậy cho đến nay đã được 10 năm. Gặp bạn bè, anh ta thường than về cảnh “gà trống nuôi con”. Tôi không rõ đó là lời than vãn thực tâm hay lời tự hào đã có khả năng và công sức một mình lo cho con trai một cách đầy đủ như vậy. Còn ông O thì lộ vẻ vui sướng ra mặt khi nhìn đứa con trai. Ông ta có đủ khả năng lo cho cậu con trai cũng có được một nền giáo dục hoàn hảo. Nhất là sau này, khi cậu bé đến tuổi thiếu niên, ông O, ở vị thế cố vấn kinh tế cho một tổng bí thư đảng và cố vấn kinh tế cho một thủ tướng trong một thời gian dài, chắc chắn sẽ dễ dàng lo cho người con có một nền giáo dục đúng như ý muốn. Nhớ đến người con trai của ông O, nay đã ở tuổi trung niên, tôi mong rằng cậu ta đã thành đạt và nổi được chí người cha.

Trong bữa cơm, ông O chăm chú nghe từng lời nói của người đối diện, ông nói chuyện từ tốn, hòa nhã, với giọng ấm áp, làm cho người nghe phải nể nang, kính phục. Có lẽ nhờ tư cách này cộng thêm với khả năng chuyên môn, thiện chí và lòng ngay thẳng, ông đã chinh phục được các nhân vật chính trị thuộc nhiều xu thế khác nhau, để tất cả đều chấp nhận ông làm quyền thủ tướng trong khủng hoảng chính trị thời tướng Nguyễn Khánh. Trong bữa ăn, ông ta hỏi về tôi nhiều, và rất tránh né nói về cá nhân ông ta. Gần cuối bữa ăn, chắc thấy tôi thành thật và tin cậy được, ông ta tâm sự vài điều. Ông ta nói về thời gian làm bên Mỹ trước khi về nước. Có lần ông ta cho biết cũng có khó khăn tài chánh như nhiều người khác. Ông cũng tâm sự rằng sẽ có biến chuyển, nhưng không phải một sớm một chiều, mà có thể nhiều tháng, nhiều năm, nên phải kiên nhẫn

và chấp nhận chờ đợi. Cuối bữa ăn, ông O hỏi tôi có thể thỉnh thoảng cho ông ta gặp lại, và khi nào tôi được rảnh. Tôi cũng hứa sẽ giữ liên lạc với ông, nhưng chỉ sợ suốt tuần tôi bận việc buôn bán. Ra về, nhớ lại vài tin tức ông O cho biết, tôi tin rằng ông ta được thành ủy Sài Gòn tín nhiệm để điều khiển một nhóm chuyên viên trong phương án nghiên cứu đổi mới kinh tế, tìm một hướng mới phát triển kinh tế thay cho nền kinh tế bao cấp đã bế tắc.

Tôi tin rằng những lời tâm sự của ông NXO là chân thành. Nhưng tôi ở trong một hoàn cảnh khác và cũng rất khó khăn. Bán vải, tôi bắt đầu quen với nhiều loại đóng góp. Chỉ riêng cho một cái sạp vải nhỏ, tôi phải đóng thuế hàng tháng cho quận 5, tiền thuê sạp hàng tháng cho ban quản lý chợ An Đông, tiền giữ an ninh, tiền vệ sinh chợ, ..., và giá biểu thường thay đổi hàng tháng. Ngoài ra, còn nhiều loại thuế không tên như sửa sang chợ, xây công, xây vỉa hè, đóng góp cho lễ lạc, lễ quốc khánh, ... Đối với địa phương, tôi cũng thường phải đút lót công an khu vực quà và tiền để được bỏ qua nhiều lần vắng nhà dài hạn không lý do.

Thời đó, nỗi lo lắng ám ảnh mỗi sáng sớm là làm sao kiếm được chút tiền để đủ sống cho qua ngày đó. Rồi đến gần ngày phải đóng các loại “thuế” hàng tháng, nỗi lo lắng lại tăng lên gấp bội. Đời sống trở nên căng thẳng triền miên. Buôn bán tuy có lời chút ít, nhưng mình không được hưởng trọn vẹn tiền lời của mình làm ra, mà phải đưa lại cho người khác hưởng phần lớn. Mình chỉ được phép giữ lại một phần rất nhỏ. Một anh bạn thân bị kẹt nhiều năm như tôi, sau khi gặp lại bên Mỹ, nhắc lại rằng hồi đó có gặp tôi nhiều lần nhưng từ xa chỉ giơ tay vẫy chào rồi vội đi ngay, không dám đến gần để nói chuyện, vì “lúc đó bận chạy, không phải chạy để kiếm cơm, mà chỉ để kiếm chút cháo.”